

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-PT

Ngày: 22 - 02 - 2019

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các thẩm phán:

1. Ông H Kim Khánh.

2. Ông Doãn Đình Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2018/TLPT-DS ngày 26/12/2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị L; địa chỉ: 245/2 HHT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành Nh; địa chỉ: 17YB, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk – Theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2019 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Luật sư Đàm Quốc Ch, thuộc Công ty Luật TNHH Chính Nhân – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: 245/02 HHT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Mai H; địa chỉ: 57 HV, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Mai Th, bà Nguyễn Thị Thu H; cùng địa chỉ: 41 PBC, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

3.2. Ông Mai Tiến Đ, bà Phạm Thị Hà V; cùng địa chỉ: 57 HV, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

3.3. Ông Mai Thanh T, bà Huỳnh Thị Kim Ph; địa chỉ: 57 HV, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

3.4. Ông Mai Tiến Q, bà Trương Thị Dạ Th1; cùng địa chỉ: 57 Hùng Vương, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: 57 HV, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

3.6. UBND huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn Ch1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của ông Chỉ: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Mai Thị L, bị đơn ông Mai H và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Cụ Mai Ch2 và cụ Phan Thị Ch1 sinh được 03 người con gồm: Ông Mai H, sinh năm 1941, bà Mai Thị L, sinh năm 1943 và ông Mai Tấn Tr, sinh năm 1945 (đã chết năm 1969), trước khi chết ông Mai Tấn Tr chưa có vợ con.

Cụ Mai Ch2 mất năm 1945, không để lại tài sản thừa kế, cụ Phan Thị Ch1 mất ngày 22/3/2017. Khi còn sống cụ Phan Thị Ch1 tạo lập được khối tài sản là diện tích đất 950 m² tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, đất tại đường HV, tỉnh lộ 8, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Năm 1994 cụ Ch1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất; đến năm 2003 thì cụ Ch1 lập hợp đồng tặng cho để tách thửa sang tên cho bà L phần diện tích 240 m² (thửa đất số 201a, tờ bản đồ số 29). Đến năm 2014 do cần tiền nên bà L đã sang nhượng lại quyền sử dụng đất đối với diện tích 240m² nói trên cho vợ chồng ông Mai H. Phần diện tích đất còn lại là 950 m² thì vẫn là của bà Ch1, chưa chia cho các con, và do gia đình ông H xây dựng nhà cửa, quản lý sử dụng từ năm 1992 cho đến nay. Nay bà L xác định di sản của cụ Ch1 là diện tích đất 950 m² tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, đất tại đường HV, tỉnh lộ 8, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là thửa đất số 201). Tài sản trên đất là do ông H tạo lập, bà L không có yêu cầu phân chia. Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án phân chia tài sản thừa kế của cụ Phan Thị Ch1 bằng hiện vật để đảm bảo quyền lợi cho bà.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về quan hệ giữa ông Mai H và bà Mai Thị L như bà L trình bày là đúng, về yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà L thì ông H có ý kiến như sau:

Năm 1976 cụ Phan Thị Ch1 cùng vợ chồng ông H chuyển từ thành phố Hồ Chí Minh về xã Quảng Phú (cũ), huyện Cư M'gar sinh sống tại diện tích đất (nay là số 57 HV, thị trấn QP, huyện CM), nguồn gốc đất là được hợp tác xã Phú Hòa cấp, diện tích ban đầu là khoảng 2.000 m², thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29. Năm 1994 UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho gia đình ông H (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0494476 ngày 26/10/1994 cấp cho hộ Phan Thị Ch1), lúc đó trong hộ có bà Phan Thị Ch1, vợ chồng ông Mai H, bà Nguyễn Thị C và các con của ông H. Năm 2002 Nhà nước có chủ trương thu hồi và cấp lại đất cho các hộ dân, do đó diện tích đất mà gia đình ông H sử dụng bị thu hồi và cấp mới với diện tích 1.190 m²; ông H là người đi đăng ký quyền sử dụng đất vì cụ Ch1 đã già yếu. Đến năm 2002 ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 377328 ngày 12/8/2002 do UBND huyện CM cấp cho hộ ông Mai H. Đến năm 2003 bà Mai Thị L xin cụ Ch1 cắt một phần diện tích đất thửa số 201 cho bà L. Ông H và cụ Ch1 đã đồng ý cắt đất và sang tên cho bà Mai Thị L diện tích 240 m² tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29 dưới hình thức tặng cho. Do đó, hộ ông H được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 782979, thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, diện tích 950 m² ngày 27/10/2003; còn bà Mai Thị L và con trai là Võ Mai Quý D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230587 ngày 20/5/2009 thửa đất số 201a, tờ bản đồ số 29, diện tích 240 m². Năm 2014, mẹ con bà L đã sang nhượng lại diện tích đất này cho vợ chồng ông H.

Như vậy, thực tế diện tích 1.190 m² đất Nhà nước cấp năm 2002 cho cụ Ch1 thì năm 2003 cụ Ch1 đã cắt chia cho bà L diện tích 240 m² còn cho vợ chồng ông H diện tích 950 m², đất đai đã chia xong từ thời điểm này (tuy nhiên việc phân chia không lập thành văn bản, không có người làm chứng mà chỉ có các thành viên trong gia đình biết). Do đó, hiện nay tài sản thừa kế của cụ Ch1 không còn gì; diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất là của gia đình ông H nên ông H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Mai Th, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Mai Tiến Đ, bà Phạm Thị Hà V, ông Mai Thanh T, bà Huỳnh Thị Kim Ph, ông Mai Tiến Q, bà Trương Thị Dạ Th1 và bà Nguyễn Thị C có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc thửa đất mà bà L yêu cầu chia thừa kế thì người có quyền lợi, nghĩa vụ không nắm rõ được. Tuy nhiên, diện tích đất tranh chấp là của ông Mai H, hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Mai H.

Đối với toàn bộ công trình xây dựng trên đất do ông H và bà C tạo lập các con của ông H không có đóng góp về tiền bạc hay vật chất gì, chỉ đóng góp công sức để duy trì, bảo quản tài sản đang sử dụng, về việc đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H thì khi Nhà nước thu hồi và cấp lại đất, cụ Phan Thị Ch1 được cấp 1.190 m² đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, cụ Ch1 đã đồng ý để ông Mai H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2003, cụ Ch1 chia đất cho ông Mai H và bà Mai Thị L, trong đó bà L được chia 240 m², còn ông H là con trai nên được chia 950 m²; việc này cụ Ch1 chỉ nói bằng miệng, không viết giấy tờ gì. Do đó, năm 2003 ông H làm thủ tục tách thửa cho bà L 240 m² đất nằm trong thửa đất trên, còn 950 m² đất vẫn đứng tên ông H. Năm 2014 bà L đã sang nhượng lại diện tích 240m² đất cho ông Mai H và bà Nguyễn Thị C. Nay bà L khởi kiện chia thừa kế đối với diện tích đất gia đình ông H đang sử dụng thì ông cho rằng diện tích đất 950 m² mà bà L yêu cầu chia thừa kế đã được cụ Phan Thị Ch1 cho ông Mai H từ năm 2003, hiện nay đất và tài sản trên đất là thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông H, không phải là di sản của cụ Ch1 nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Mai Thị L.

Ủy ban nhân dân huyện CM có ý kiến như sau:

Ngày 18/5/1994 cụ Phan Thị Ch1 có đơn xin đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.760m² được Hội đồng đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử đất xã QP xét duyệt đồng ý.

Ngày 26/10/1994 UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0494476 cho hộ bà Phan Thị Ch1 đối với diện tích đất nói trên.

Ngày 26/3/2002 ông Mai H làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.190m² với nguồn gốc đất là hợp tác xã Phú Hòa cấp (thời gian sử dụng từ năm 1977) được UBND thị trấn QP xét duyệt đồng ý cấp ngày 03/7/2002 và có ý kiến của cơ quan địa chính cấp ngày 12/12/2002. Ngày 12/8/2002 UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 377328 tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.190m² cho hộ ông Mai H. Tại thời điểm trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mai H chưa thực hiện thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0494476 thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.760m² do UBND huyện cấp cho hộ bà Phan Thị Ch1. Trên cơ sở 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện CM cấp cho hộ bà Phan Thị Ch1 số D 049476 và cấp cho hộ ông Mai H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 377328 thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Mai H là không đúng.

Tại bản án sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 159; Điều 165; Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651; 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị L về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Ch1 là quyền sử dụng đất diện tích 950 m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, trong đó có 200 m² đất ở và 750 m² đất nông nghiệp, tọa lạc tại số 57 HV, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (diện tích đo đạc thực tế là 722.1 m²), trị giá 10.874.500. 000 đồng (Mười tỷ, tám trăm bảy mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng).

Chia cho bà Mai Thị L được sử dụng 258 m² đất tại thửa 201, tờ bản đồ số 29, trong đó có 90 m² đất ở và 168 m² đất nông nghiệp, tọa lạc tại số 57 HV, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk và sở hữu các công trình vật kiến trúc: 01 gian nhà cấp 4, laphon gỗ, chiều ngang 5,2m, chiều dài 09m, diện tích 46,8 m², trị giá 35.802.000 đồng (do ông Mai H và bà Nguyễn Thị C quản lý, sử dụng); 01 phần

gian nhà cấp 4 do anh Mai Thanh T và chị Huỳnh Thị Ngọc Phụng quản lý, sử dụng; 01 phần gian nhà cấp 4 do anh Mai Tiến Đ và chị Phạm Thị Hà V quản lý, sử dụng; 01 phần gian nhà cấp 4 do anh Mai Tiến Q và chị Trương Thị Dạ Th1 quản lý, sử dụng. Vị trí, kích thước, mốc giới phần đất chia cho bà L được xác định bởi các mốc: A,B,C,D,G (Có sơ đồ kèm theo).

Chia cho ông Mai H được sử dụng 464.1 m² đất tại thửa 201, tờ bản đồ số 29, trong đó có 110 m² đất ở và 351.4 m² đất nông nghiệp, tọa lạc tại số 57 HV, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk và sở hữu các công trình vật kiến trúc: một phần của gian nhà cấp 4, mái lợp tôn, laphon tôn lạnh, cửa sắt, nền láng xi măng do anh Mai Thanh T và chị Huỳnh Thị Kim Ph quản lý sử dụng; 01 phần của gian nhà cấp 4, mái lợp tôn, laphon tôn lạnh, cửa sắt, nền láng xi măng do anh Mai Tiến Đ và chị Phạm Thị Hà V quản lý sử dụng; 01 phần của gian nhà cấp 4, mái lợp tôn, 25,4 m laphon thạch cao, còn lại không có laphon, nền láng xi măng, cửa sắt do anh Mai Tiến Q và chị Trương Thị Dạ Th1 quản lý sử dụng; 01 gian nhà cấp 4 diện tích 40,5 m², laphon gỗ, nền láng xi măng, cửa sắt do ông H hiện đang quản lý sử dụng. Vị trí, kích thước, mốc giới phần đất chia cho ông H được xác định bởi các mốc: D,E,F,G (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Mai H và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm giao căn nhà cấp 4, laphon gỗ, chiều ngang 5,2m, chiều dài 09m, diện tích 46,8 m² cho bà Mai Thị L quản lý, sử dụng.

Anh Mai Tiến Đ và chị Phạm Thị Hà V, anh Mai Thanh T và chị Huỳnh Thị Kim Ph, anh Mai Tiến Q và chị Trương Thị Dạ Th1 có trách nhiệm dỡ bỏ, di dời một phần nhà để trả lại cho bà Mai Thị L phần diện tích đất được chia có vị trí, kích thước, mốc giới là A,B,C,D,G (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Mai H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch trị giá tài sản được hưởng cho bà Mai Thị L 1.477.723.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất chậm trả kể từ ngày đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện CM thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 377328 ngày 12/8/2002 do UBND huyện CM cấp cho hộ ông Mai H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018 nguyên đơn bà Mai Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý việc cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế cho bà bằng tiền, không đồng ý nhận căn nhà cấp 4 và các tài sản khác như bản án sơ thẩm đã tuyên và đề nghị cấp phúc thẩm cho bà được nhận di sản thừa kế của cụ Phan Thị Ch1 bằng hiện vật là $\frac{1}{2}$ diện tích đất mà bà Ch1 để lại.

Ngày 30/11/2018 và ngày 13/12/2018 bị đơn ông Mai H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của bà L vì trước khi bà Ch1 mất đã phân chia tài sản cho các con cho nên hiện nay bà Ch1 không còn tài sản để phân chia.

Ngày 17/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quyết định kháng nghị số 1013/QĐKN-VKS-DS ngày 14/14/2018 kháng nghị bản án sơ thẩm với các nội dung: Trước khi bà Phan Thị Ch1 mất đã tiến hành chia tài sản cho bà L và ông H nên diện tích đất 950 m² mà bà L khởi kiện không phải là di sản thừa kế của bà Ch1; cấp sơ thẩm tuyên thu hồi GCN QSD đất số V 377328 là không có căn cứ; cấp sơ thẩm giải quyết vụ án vượt quá nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk rút một phần nội dung kháng nghị đối với nội dung cấp sơ thẩm xét xử vượt quá phạm vi đơn khởi kiện và cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Thừa đất số 201, tờ bản đồ số 29 nguyên thủy được cấp cho hộ bà Ch1 đến năm 2002 ông H tự ý đi kê khai để đứng tên trên GCN QSD đất. Năm 2003 ông H tiến hành tách cho bà L 240 m², diện tích đất còn lại là 950 m² do ông H đứng tên trên GCN QSD đất (diện tích thực tế là 722,1 m²). Phần diện tích đất 722,1 m² là di sản thừa kế của cụ Ch1 để lại. Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà L, chia cho bà L bằng hiện vật 45% của diện tích 722,1 m² theo một trong hai vị trí đất tiếp giáp với hai mặt tiền đường Phan Bội Châu và đường Hùng Vương để đảm bảo quyền lợi cho bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm khẳng định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Năm 1976 trong hộ bà Ch1 gồm có bà Ch1; vợ chồng ông H, bà C và 04 người con của ông H. Năm 1994 Hợp tác xã PHú Hòa cấp đất cho hộ bà Ch1. Năm 2002 bà Ch1 đã 86 tuổi nên ông H đã tiến hành kê khai cấp GCN QSD đất. Năm 2003 ông H đã tách cho bà L 240 m², lúc đó bà Ch1 còn sống nhưng bà Ch1 và các con không ai có ý kiến gì. Do đó, năm 2003 di sản của bà Ch1 đã được chia cho ông H 950 m², bà L 240 m², cho nên hiện nay bà Ch1 không còn di sản để chia. Đề nghị HĐXX áp dụng Án lệ số 24/2018/AL và khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự để không chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của bà L; chấp nhận kháng cáo của ông H; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tuyên xử bác đơn khởi kiện của bà L.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Mai Thị L là không có căn cứ, bởi lẽ: Các đương sự đều thừa nhận thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29 có nguồn gốc từ Hợp tác xã Phú Hòa cấp cho hộ bà Phan Thị Ch1 vào và năm 1994, hộ bà Ch1 được UBND huyện CM cấp GCN QSD đất số D 0494476, diện tích 1.760 m². Sau này UBND dân huyện Cư M'gar đã thu hồi diện tích đất trên và cấp lại cho hộ bà Phan Thị Ch1 diện tích đất là 1.190 m². Năm 2002 ông H đã tiến hành kê khai đăng ký QSD đất và ngày 12/8/2002 đã được UBND huyện CM cấp GCN QSD đất số V377328 cho hộ ông Mai H. Năm 2003 ông Mai H và cụ Phan Thị Ch1 đã tiến hành tách thửa và chia cho bà Mai Thị L diện tích 240 m² (trong tổng diện tích 1.190 m²).

Ngày 27/10/2003 khi bà Ch1 còn sống thì UBND huyện CM đã ban hành quyết định thu hồi và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1219/QĐ-UB với nội dung thu hồi GCN QSD đất số V377328 cấp cho hộ ông Mai H và cấp GCN QSD đất cho hộ bà Mai Thị L đối với thửa đất số 201a, tờ bản đồ số 29, diện tích 240 m²; cấp GCN QSD đất cho hộ ông Mai H phần diện tích đất còn lại là 950 m² tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29 (bút lục số 48). Như vậy, vào thời điểm này cụ Ch1, bà L đều biết diện tích 950 m² (nay tọa lạc tại số 57 HV, thị trấn QP, huyện CM) đứng tên ông Mai H và không có ý kiến gì. Đồng thời, khi ông H quản lý, sử dụng, tạo lập các tài sản trên đất từ năm 1994 đến nay thì bà L và cụ Ch1 đều biết và cũng đều không có ý kiến gì. Căn cứ và các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, áp dụng án lệ số 24/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao thông qua ngày 17/10/2018 về di sản đã chuyển thành tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân thì đã có đủ cơ sở để xác định: Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, diện tích 950 m² (diện tích thực tế 722,1 m²) đã được bà Ch1, ông H và bà L thống nhất phân chia xong từ năm 2003, việc phân chia đã được thực hiện trên thực tế và đã được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ về đất đai, thỏa thuận phân chia không vi phạm quyền lợi của bất cứ thừa kế nào và không ai tranh chấp nên diện tích đất trên không còn là di sản thừa kế của cụ Ch1.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29, diện tích 950 m² tọa lạc tại số 57 HV, thị trấn QP, huyện CM không phải là di sản thừa kế của cụ Phan Thị Ch1 là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Cấp sơ thẩm tuyên: Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện CM thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 377328 ngày 12/8/2002 do UBND huyện CM cấp cho hộ ông Mai H là không có căn cứ, vì: GCN QSD đất này đã được thu hồi theo Quyết định thu hồi và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1219/QĐ-UB ngày 27/10/2003 của UBND huyện CM. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Viện kiểm sát cho rằng tại quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn đã thay đổi nội dung đơn khởi kiện và chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích 950 m² đất, nhưng cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế để chia là 980,1 m² là vượt quá yêu cầu khởi kiện và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không đúng bởi vì: Tại đơn khởi kiện bà L xác định và yêu cầu tòa án chia di sản thừa kế là 1.760 m² đất tại 57 HV, thị trấn QP, huyện CM (bút lục 09). Mặc dù, trong quá trình giải quyết bà L thay đổi lời khai cho rằng di sản thừa kế là 950 m² đất. Tuy nhiên, bà L không có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Mai Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên cấp sơ thẩm vẫn giải quyết theo đơn khởi kiện ban đầu là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa Viện kiểm sát đã rút kháng nghị đối với nội dung này. Xét thấy việc rút kháng nghị là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Mai Thị L; chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Mai H và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Do bác đơn khởi kiện nên nguyên đơn bà Mai Thị L phải chịu 6.200.000đ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, được khấu trừ 6.200.000đ do bà L đã nộp và chi phí hết tại cấp sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy, bà Mai Thị L và ông Mai H là người cao tội và có đơn xin miễn giảm án phí nên bà L và ông H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Mai Thị L được nhận lại 12.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar theo biên lai số AA/2014/42527 ngày 18/7/2017

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị L và ông Mai H được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 24/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Mai Thị L.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai H

Chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung cấp sơ thẩm xét xử vượt quá nội dung đơn khởi kiện và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Sửa bản án sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Mai Thị L về việc yêu cầu Tòa án chi di sản thừa kế của cụ Phan Thị Ch1 là 1.760 m², thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại 57 HV, thị trấn QP, huyện CM.

[2] Về chi phí tố tụng: Bà Mai Thị L phải chịu 6.200.000đ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, được khấu trừ 6.200.000đ do bà L đã nộp và chi phí hết tại cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị L và ông Mai H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Mai Thị L được nhận lại 12.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar theo biên lai số AA/2014/42527 ngày 18/7/2017.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị L và ông Mai H được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THA huyện CM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết

